

MỘT SỐ BẤT CẬP TRONG CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ QUYẾT ĐỊNH TRỌNG TÀI

*Bạch Thị Lê Thoa**

Sự ra đời của Pháp lệnh Trọng tài Thương mại năm 2003 (PLTTTM 2003) đã đánh dấu một bước tiến mới trong việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật về trọng tài tại Việt Nam, đáp ứng nhu cầu lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp của các doanh nghiệp. Bên cạnh những điểm mạnh, qua thực tiễn thi hành hơn 6 năm, PLTTTM 2003 đã bộc lộ một số bất cập.

Trên cơ sở nghiên cứu những quy định của pháp luật Việt Nam về trọng tài, có so sánh với các quy định của pháp luật quốc tế và pháp luật của một số nước về trọng tài, bài viết này chỉ ra một số bất cập và đề xuất giải pháp khắc phục trong quy định của pháp luật nước ta về địa điểm tiến hành trọng tài ký quyết định trọng tài; về cơ sở để ra quyết định trọng tài; về chữ ký của trọng tài viên; về việc công nhận và thi hành quyết định trọng tài.

1. Quy định về địa điểm tiến hành trọng tài và ký quyết định trọng tài

Điều 23 PLTTTM 2003 quy định các bên có quyền thỏa thuận địa điểm tiến hành trọng tài và ký quyết định trọng tài; nếu không có thỏa thuận địa điểm tiến hành trọng tài và ký quyết định trọng tài thì Hội đồng trọng tài quyết định, nhưng phải bảo đảm thuận tiện cho các bên trong việc giải quyết tranh chấp. Trong thực tế, áp dụng điều luật này cho thấy đây là một quy định có thể gây khó khăn khi áp dụng. Trong nhiều trường hợp các bên có trụ sở tại những địa điểm khác nhau, thậm chí ở các nước khác nhau sẽ rất khó có thể sắp xếp địa điểm giải quyết tranh chấp thuận lợi cho cả hai bên.

Pháp luật trọng tài của các nước đều quy định sự tự do của trọng tài viên trong việc lựa chọn và định đoạt địa điểm ký quyết định

trọng tài ngoài nơi đã tuyên quyết định đó, có tính đến và hạn chế các trường hợp trọng tài viên từ chối ký quyết định.

Điều 31 Luật mẫu về Trọng tài thương mại quốc tế của Ủy ban Pháp luật thương mại quốc tế Liên hợp quốc (Luật mẫu về Trọng tài của UNCITRAL) quy định rất rõ các bên có quyền tự thỏa thuận về địa điểm ký quyết định trọng tài, không nhất thiết phải được kí tại nơi diễn ra hoạt động của trọng tài.

Điều 832(6) của Bộ luật Tố tụng Dân sự Italia quy định khi xảy ra tranh chấp các bên có quyền thỏa thuận địa điểm tiến hành trọng tài và ký quyết định trọng tài, thỏa thuận đó các bên có thể tự lựa chọn. Các trọng tài viên có thể ký quyết định trọng tài tại bất kỳ một địa điểm nào.

Nhìn chung, Luật mẫu về Trọng tài của UNCITRAL và pháp luật trọng tài các nước đều có quy định cho phép các bên được tự do thỏa thuận địa điểm trọng tài. Tuy nhiên, trong trường hợp các bên không có thỏa thuận thì Hội đồng trọng tài sẽ quyết định địa điểm giải quyết vụ tranh chấp.

Điều 23 PLTTTM 2003 cũng ghi nhận quy tắc thỏa thuận địa điểm trọng tài và ký quyết định trọng tài trên nguyên tắc tôn trọng ý chí thỏa thuận của các bên tranh chấp. Hội đồng Trọng tài sẽ ra quyết định chỉ định địa điểm giải quyết tranh chấp chỉ khi các bên không tự thỏa thuận được với nhau. Tuy nhiên, trong thực tế áp dụng có xảy ra trường hợp các bên tranh chấp dựa vào tiêu chí thỏa thuận lựa chọn “địa điểm thuận tiện” để một bên có thể gây khó khăn, cản trở cho bên kia hoặc có thể dựa trên tiêu chí pháp luật chỉ định là điều kiện “thuận tiện” cho các bên tranh chấp để làm căn cứ cho một bên đơn phương yêu cầu hủy quyết định trọng tài. Vì vậy, theo chúng tôi cần phải bỏ quy định “*thuận tiện cho các bên*

* Th.S. Luật học, Giảng viên Khoa Đào tạo thẩm phán, Học viện Tư pháp.

tranh chấp”, tránh sự tùy tiện trong giải thích và áp dụng điều khoản này trên thực tế.

Để tránh trường hợp có trọng tài viên cố ý làm hỏng hiệu lực của quyết định trọng tài bằng cách không ký vào quyết định trọng tài, khoản 2 Điều 44 PLTTTM 2003 đã có quy định bổ sung: “*Trường hợp có trọng tài viên không ký vào quyết định trọng tài, Chủ tịch Hội đồng trọng tài phải ghi việc này trong quyết định trọng tài và phải nêu rõ lý do*”. Theo chúng tôi, quy định như vậy là chưa đủ, vẫn chưa rõ ràng việc nêu rõ lý do trường hợp có trọng tài viên không ký vào quyết định trọng tài như vậy đã đủ là căn cứ để quyết định trọng tài có hiệu lực hay không. Thiết nghĩ, pháp luật Việt Nam nên áp dụng cách quy định rõ ràng và rành mạch như quy tắc tố tụng của Luật mẫu về Trọng tài của UNCITRAL.

2. Quy định về cơ sở để ra quyết định trọng tài

Khi so sánh với pháp luật của một số nước trên thế giới cũng như quá trình áp dụng trong thực tiễn, có thể nói vấn đề cơ sở để ra quyết định trọng tài được quy định là một trong các tiêu chí không thể thiếu của nội dung quyết định trọng tài.

Theo Điều 44 PLTTTM 2003 nội dung quyết định trọng tài bao gồm:

- + Ngày, tháng, năm và địa điểm ra quyết định trọng tài, trong trường hợp việc giải quyết vụ tranh chấp do trung tâm trọng tài tổ chức thì quyết định trọng tài phải có tên trung tâm trọng tài;
- + Tên, địa chỉ của nguyên đơn và bị đơn;
- + Họ, tên các trọng tài viên hoặc trọng tài viên duy nhất;
- + Tóm tắt đơn kiện và các vấn đề tranh chấp;
- + Cơ sở để ra quyết định trọng tài;
- + Quyết định về vụ tranh chấp; quyết định về phí trọng tài và các chi phí khác;
- + Thời hạn thi hành quyết định trọng tài;
- + Chữ ký của các trọng tài viên hoặc trọng tài viên duy nhất.

So sánh với pháp luật của một số nước khác cũng như pháp luật quốc tế về trọng tài

thì những yêu cầu về nội dung của quyết định trọng tài theo quy định tại Điều 44 PLTTTM 2003 là khá đầy đủ. Đặc biệt, quy định về **thời hạn thi hành quyết định trọng tài** là khá mới so với pháp luật trọng tài của nhiều nước. Thông thường, thời hạn thi hành quyết định trọng tài được quy định tại một số văn bản pháp luật chuyên ngành về tố tụng dân sự hoặc thi hành án.

Theo Điều 44 PLTTTM 2003, **cơ sở để ra quyết định trọng tài** hay còn gọi là **lý do để ra quyết định trọng tài** là điều kiện bắt buộc trong nội dung quyết định trọng tài và được coi như một trong các nội hàm của trật tự công cộng. Như vậy, cũng giống như các quy định về cơ sở ra quyết định trọng tài ở các nước, PLTTTM 2003 quy định cơ sở ra quyết định trọng tài là một trong những tiêu chí không thể thiếu trong nội dung quyết định trọng tài. Điều này được thấy rõ khi so sánh với pháp luật của một số nước được trình bày dưới đây.

Khoản 2 Điều 31 Luật mẫu về trọng tài của UNCITRAL quy định: “*Trừ khi các bên thỏa thuận về việc không nêu lý do hoặc khi phán quyết là quyết định về các điều khoản được thỏa thuận theo Điều 30¹, phán quyết phải nêu lý do làm căn cứ để ban hành*”.

Đây là nguyên tắc, về cơ bản, đã được công nhận trong pháp luật về trọng tài của hầu hết các quốc gia, thậm chí pháp luật về trọng tài của Liên bang Nga và của Ukraine còn quy định bắt buộc mọi phán quyết đều phải nêu rõ lý do cụ thể và có căn cứ, không cho phép các bên thỏa thuận ngoại lệ về việc không nêu lý do. Ngay cả pháp luật án lệ trước đây cho phép không cần nêu lý do trong quyết định trọng tài nhưng, trong những năm gần đây quy định cần phải nêu lý do là bắt buộc và làm cơ sở để ra quyết định trọng tài.

Tại Hoa Kỳ, các bang California, Connecticut, Oregon và Texas, pháp luật về trọng tài cũng có cách tiếp cận như Điều 31 khoản 2 của Luật mẫu về trọng tài UNCITRAL nêu trên. Các văn bản pháp luật

¹ Điều 30 Luật mẫu về trọng tài quy định về quyết định các điều khoản được thỏa thuận thông qua hoà giải.

khác về trọng tài của Hoa Kỳ cũng không yêu cầu phải nêu lý do, nhưng nếu quy tắc tổ tụng trọng tài có quy định về việc phải nêu lý do, ví dụ như Điều 32 (3) Quy tắc trọng tài UNCITRAL - trừ phi các bên có thỏa thuận khác - thì phán quyết phải nêu rõ lý do.

Luật Trọng tài của Anh năm 1996 cũng quy định trong khoản 4 Điều 52: “*Phán quyết trọng tài cần phải nêu rõ lý do, trừ trường hợp các bên thỏa thuận bỏ qua điều đó*”. Quy tắc trọng tài ICC² tại Điều 25 không quy định trường hợp ngoại lệ không nêu lý do.

Ở Việt Nam hiện nay, theo PLTTTM 2003 thì “*cơ sở ra quyết định trọng tài*” hay “*nêu rõ lý do trong phán quyết trọng tài*” là bắt buộc. Tuy nhiên, một vấn đề có thể đặt ra trong thực tế đó là khi áp dụng cơ sở hoặc lý do để ra quyết định trọng tài lại hoàn toàn thiếu việc nêu lý do hoặc lý do được nêu chưa đầy đủ. Theo chúng tôi, chỉ có việc hoàn toàn thiếu lý do mới có thể là cơ sở dẫn đến hủy quyết định trọng tài. Trường hợp tòa án xem xét xem lý do được đưa ra cho phán quyết đã đầy đủ hay chưa, có thể dẫn đến việc xem xét lại nội dung của vụ việc, trong khi điều này lại chính là hành vi vượt quá thẩm quyền của tòa án, trừ trường hợp quyết định trọng tài vi phạm trật tự công cộng. Đây cũng là một trong những nguyên nhân khiến cho số lượng quyết định trọng tài bị yêu cầu hủy gia tăng chỉ vì cái cớ là hoàn toàn thiếu việc nêu lý do hay thiếu một phần lý do, hoặc nói cách khác, khi lý do được nêu chưa đầy đủ.

3. Quy định về chữ ký của trọng tài viên

Một trong những yêu cầu về mặt nội dung của quyết định trọng tài theo pháp luật Việt Nam là cần phải có “*chữ ký của các trọng tài viên hoặc trọng tài viên duy nhất*”. Đây là yêu cầu được áp dụng phổ biến cho hầu hết pháp luật về trọng tài của các nước. Tuy nhiên, nếu nguyên tắc này được quy định và áp dụng một cách cứng nhắc, rất có thể sẽ xảy ra trường hợp một quyết định trọng tài có thể bị hủy chỉ bằng một hành

động của một trong các trọng tài viên cố ý từ chối ký vào quyết định. Vì vậy, pháp luật nước nào quy định “*chữ ký*” của trọng tài viên là điều kiện bắt buộc mà không tính đến các trường hợp ngoại lệ, sẽ không được coi là phù hợp với trọng tài quốc tế³.

PLTTTM 2003 cũng quy định “*chữ ký*” của trọng tài viên là điều kiện bắt buộc trong quyết định trọng tài. Tuy nhiên, để tránh trường hợp có trọng tài viên cố ý làm hỏng hiệu lực của quyết định trọng tài bằng cách không ký vào quyết định trọng tài, khoản 2 Điều 44 PLTTTM 2003 đã quy định bổ sung: “*Trường hợp có trọng tài viên không ký vào quyết định trọng tài, Chủ tịch Hội đồng trọng tài phải ghi việc này trong quyết định trọng tài và phải nêu rõ lý do*”. Theo quy định trên của PLTTTM 2003, việc thể hiện “*chữ ký*” có xét đến hành vi cố ý của trọng tài viên hay không hoặc khi không có chữ ký của trọng tài viên thì ai là người có thẩm quyền ký, việc quy định như vậy đã thể hiện tính khách quan hay chưa. Theo chúng tôi, nên áp dụng theo hướng “*chữ ký của đa số trọng tài viên*” hoặc “*chữ ký của Chủ tịch Hội đồng trọng tài*” như dẫn chiếu dưới đây.

Quy tắc trọng tài ICC quy định rõ quyết định trọng tài cần phải được ký, nhưng chỉ cần chữ ký của đa số trọng tài viên, hoặc trong trường hợp không đạt được đa số chữ ký của các trọng tài viên, thì chỉ cần chữ ký của Chủ tịch Hội đồng trọng tài là đủ⁴.

³ Xem các phân tích về mô hình truncated tribunal đã được thảo luận tại Hội nghị ICCA năm 1990. Xem thêm Báo cáo của Schwebel and Bockstiegel, “Preventing Delay and Disruption of Arbitration ICCA Congress Series No.5 (Kluwer, 1991) tr. 241-247, 270-274. Xem thêm French-Mexican Claims Commission Cases, được thảo luận tại cuốn Feller, The Mexican Claims Commissions (1935), tr. 70-77; Schwebel, International Arbitration: Three Salient Problems (1987), tr. 144-296; Order of May 17, 1985, in Sedco Inc. et al., Vụ việc No. 129, in lại tại 8 Iran-U.S.C.T.R.34 and concurring opinion of Judge Bower tại tr. 40; Uiterwijk Corp. et al. v. Islamic Republic of Iran, Award No. 375-381-1 (July 6, 1988), 19 Iran-U.S.C.T.R 107, 116 and dissenting letter and supplemental opinion at 161, 169.

⁴ Quy tắc trọng tài ICC, Điều 25 (1).

² Court of International Arbitration.

Điều 31 Luật mẫu về trọng tài của UNCITRAL cũng có quy định tương tự: *“Quyết định phải được lập bằng văn bản và phải được trọng tài viên hoặc các trọng tài viên ký. Trong tổ tụng trọng tài gồm nhiều trọng tài viên, chữ ký của đa số các trọng tài viên trong Hội đồng trọng tài là đủ, nếu như có nêu lý do về chữ ký khuyết”*. Điều khoản tương tự cũng có thể tìm thấy tại Điều 26 Quyết định trọng tài của LCIA⁵.

Theo quy định tại Điều 823 Bộ luật Tố tụng Dân sự Italia thì quyết định trọng tài cần bao gồm: *“Chữ ký của mọi trọng tài viên, trong đó chỉ rõ ngày, tháng và năm ký quyết định; các trọng tài viên có thể ký quyết định tại một địa điểm ngoài nơi đã tuyên quyết định trọng tài, kể cả trong trường hợp ở nước ngoài. Trong trường hợp có nhiều trọng tài viên, thì họ có thể ký quyết định trọng tài tại nhiều địa điểm khác nhau mà không cần phải gặp lại nhau thêm một lần nữa”*.

Có thể nói rằng, đây là điều khoản quy định chi tiết và đầy đủ nhất về việc ký quyết định trọng tài và giải quyết chính xác nhất những vấn đề mà thực tiễn trọng tài đang gặp phải. Quyết định trọng tài không nhất thiết phải được ký tại chính địa điểm tiến hành xét xử trọng tài. Trong trường hợp quyết định, trọng tài chỉ rõ địa điểm ký quyết định trọng tài, thì địa điểm đó không có nghĩa là nơi xét xử trọng tài. Các trọng tài viên có thể ký quyết định trọng tài tại bất kỳ một địa điểm nào.

Theo chúng tôi, so sánh với các quy định pháp luật của các nước, quy định tại khoản 2 Điều 44 PLTTTM 2003 về chữ ký của trọng tài viên như vậy là chưa đủ, vẫn chưa rõ ràng việc nêu rõ lý do trường hợp có trọng tài viên không ký vào quyết định trọng tài như vậy đã đủ là căn cứ để quyết định trọng tài có hiệu lực hay không. Thiết nghĩ, pháp luật Việt Nam nên áp dụng cách quy định rõ ràng và rành mạch như quy tắc tố tụng của các trung tâm trọng tài quốc tế ICC, LCIA hay Luật mẫu về trọng tài của UNCITRAL trong lần xây dựng Luật Trọng tài sắp tới.

4. Các quy định về công nhận và thi hành quyết định trọng tài

Quyết định trọng tài có thể được thực hiện trên thực tế bằng hai cách. Thứ nhất, bên phải thi hành tự nguyện thực hiện trong thời gian quy định trong quyết định của trọng tài hoặc ngay sau thời điểm quyết định có hiệu lực (trường hợp quyết định trọng tài không quy định rõ thời hạn thi hành).

Thứ hai, thi hành quyết định trọng tài bằng biện pháp buộc thi hành (trong trường hợp bên phải thi hành không tự nguyện thực thi).

Để công nhận và thi hành quyết định trọng tài có hiệu quả, hầu hết các nước trên thế giới đều thừa nhận điều khoản trọng tài độc lập với phần còn lại của hợp đồng, nên các bên có quyền thỏa thuận một luật riêng để điều chỉnh điều khoản trọng tài mà không phải dựa vào luật điều chỉnh nội dung hợp đồng. Nếu muốn một luật riêng như vậy, họ cần thỏa thuận rõ về việc áp dụng luật đó trong hợp đồng hoặc bằng một văn bản riêng. Trong trường hợp các bên không có thỏa thuận như vậy, nhiều hệ thống pháp luật thừa nhận nguyên tắc luật của nước nơi phán quyết trọng tài được tuyên sẽ thay thế. Nguyên tắc này được tìm thấy gián tiếp qua các quy định về công nhận và thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài trong Luật Trọng tài nhiều nước trên thế giới.

Khoản 1 Điều 54 Luật Trọng tài Thụy Điển 1999 quy định: *“Phán quyết trọng tài nước ngoài có thể bị từ chối công nhận và thi hành ở Thụy Điển nếu bên bị chống lại quyền lợi chứng minh được rằng... thỏa thuận trọng tài không hợp pháp theo luật của nước mà các bên đã chọn, nếu họ không đạt được thỏa thuận như vậy, theo luật của nước phán quyết trọng tài được tuyên”*.

Khoản 2 Điều 38 Luật Trọng tài Brazil quy định: *“... phán quyết trọng tài nước ngoài có thể bị từ chối công nhận và thi hành nếu bên đơn chứng minh được rằng thỏa thuận trọng tài không có hiệu lực theo luật của nước mà các bên đã chọn, nếu thiếu điều này, theo luật của nước nơi phán quyết trọng tài được tuyên”*.

⁵ London Court of International Arbitration

Nội dung tương tự cũng được ghi nhận tại Điều 103(2)(b) Luật Trọng tài Anh 1996: *“Công nhận và thi hành phán quyết trọng tài có thể bị từ chối nếu bị đơn chứng minh được rằng, thỏa thuận trọng tài không hợp pháp theo luật của nước các bên đã chấp thuận nó, nếu không có điều này, theo luật của nước nơi phán quyết trọng tài được tuyên”*.

Hoặc theo Điều 34(2)(a)(i) Luật mẫu về trọng tài của UNCITRAL: *“Một quyết định chỉ có thể bị toà án theo quy định tại Điều 6 hủy trong trường hợp... thỏa thuận nói trên không có giá trị pháp lý theo luật mà các bên đã chọn để áp dụng hoặc theo luật của quốc gia nơi quyết định được tuyên trong trường hợp mà các bên không ghi rõ”*. Nội dung tương tự cũng được thể hiện tại điều V, Công ước NewYork 1958 về công nhận và thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài.

Như vậy, theo pháp luật của các nước và các quy tắc tố tụng trọng tài quốc tế việc công nhận và thi hành quyết định trọng tài được thực thi thông qua nguyên tắc thỏa thuận trọng tài được điều chỉnh bởi luật do các bên lựa chọn. Tuy nhiên trên thực tế, hiếm khi các bên thỏa thuận áp dụng luật riêng cho thỏa thuận trọng tài mà mặc nhiên sử dụng ngay luật điều chỉnh nội dung hợp đồng (thường được thỏa thuận dưới dạng một điều khoản hợp đồng). Phần lớn hệ thống pháp luật thừa nhận nguyên tắc luật của nước nơi phán quyết trọng tài được tuyên sẽ thay thế trong trường hợp các bên không có thỏa thuận như vậy.

Điểm a khoản 1 Điều 370 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2004 Việt Nam quy định:

“1. Quyết định của trọng tài nước ngoài không được công nhận và cho thi hành tại Việt Nam trong các trường hợp sau đây: a) Các bên ký kết thỏa thuận trọng tài không có năng lực để ký kết thỏa thuận đó theo pháp luật được áp dụng cho mỗi bên;...”

Điều khoản trên là không rõ ràng, bởi nó không chỉ ra được “pháp luật được áp dụng cho mỗi bên” là pháp luật nước nào, và thực tế cũng không có bất cứ nguyên tắc cụ thể nào giúp cho việc chọn luật điều chỉnh năng lực chủ thể ký kết thỏa thuận trọng tài được

đưa ra trong các văn bản pháp luật hướng dẫn Bộ luật Tố tụng Dân sự. Sự thiếu vắng của một quy tắc chọn luật như vậy sẽ dẫn tới câu hỏi, tòa án Việt Nam sẽ dựa vào các quy tắc xung đột của tư pháp quốc tế Việt Nam hay của nước nào đó có liên quan để xác định tư cách pháp lý của các chủ thể tham gia thỏa thuận trọng tài? Câu hỏi này không thể trả lời dứt khoát với thực trạng pháp luật hiện nay, và rõ ràng, chúng ta cần phải khắc phục lỗ hổng pháp lý đó càng sớm càng tốt bởi số lượng các phán quyết trọng tài nước ngoài có yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam ngày càng tăng lên trong những năm gần đây. Học tập kinh nghiệm của các nước, chúng tôi có đề xuất liệu chúng ta có thể sử dụng nguyên tắc, áp dụng các quy tắc xung đột của nước có tòa án đang có thẩm quyền giải quyết vụ việc để chọn luật điều chỉnh vấn đề năng lực chủ thể ký kết thỏa thuận trọng tài (conflict of law rules of the forum)?

Ở Việt Nam hiện nay, số vụ tranh chấp có liên quan tới thương mại quốc tế được xét xử bằng trọng tài không nhiều và tập trung chủ yếu tại Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam (VIAC) bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam. Theo số liệu thống kê năm 2006, số vụ tranh chấp được xét xử bằng trọng tài tại VAIC là 31 vụ/năm⁶. Thực tiễn xét xử cho thấy, theo PLTTTM 2003 chỉ cần điều kiện *“không đồng ý với quyết định trọng tài”*⁷ thì đương sự đã có quyền làm đơn yêu cầu hủy quyết định trọng tài. Điều này vô hình chung đã khuyến khích các bên làm đơn yêu cầu hủy quyết định trọng tài với nhiều mục đích khác nhau, đặc biệt là để kéo dài thời hạn thi hành quyết định trọng tài, để kịp tẩu tán tài sản. Một khi đưa đơn yêu cầu hủy ra tòa án, thủ tục giải

(Xem tiếp trang 33)

⁶ Báo cáo tổng kết thi hành PLTTTM 2003 của Hội Luật gia Việt Nam.

⁷ Điều 50 của Pháp lệnh Trọng tài Việt nam quy định: *“Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được quyết định trọng tài, nếu có bên không đồng ý với quyết định trọng tài thì có quyền làm đơn gửi tòa án cấp tỉnh nơi Hội đồng trọng tài ra quyết định trọng tài để yêu cầu hủy quyết định trọng tài”*.

thương mại quốc tế là tôn trọng ý chí tự nguyện của các bên tranh chấp nhằm tạo điều kiện cho tranh chấp được giải quyết nhanh chóng, hiệu quả. Các bên được thoả thuận về mọi nội dung liên quan đến trình tự xét xử trọng tài sao cho thuận lợi cho các bên trừ những quy định pháp luật bắt buộc mà các bên phải tuân theo, không thể tự do thoả thuận. Vấn đề ngôn ngữ của tố tụng trọng tài không ảnh hưởng tới chủ quyền, an ninh quốc gia, không phải là quy định bắt buộc, do đó không nhất thiết buộc tố tụng trọng tài phải diễn ra bằng tiếng Việt như quy định nêu trên. Mặt khác, quy định về ngôn ngữ trọng tài như tại Điều 49 chưa cụ thể chỉ nêu chung chung là “ngôn ngữ trong tố tụng trọng tài” sẽ có thể làm cho các bên và trọng tài trong một số trường hợp băn khoăn về phạm vi các vấn đề được thực hiện theo ngôn ngữ tố tụng trọng tài như văn bản về chứng cứ, lời khai của nhân chứng, kết quả giám định v.v.

Tiếp thu những quy định về ngôn ngữ trọng tài trong Luật mẫu về trọng tài và luật trọng tài các nước trên thế giới nhằm khắc phục các khiếm khuyết trong quy định của pháp luật nước ta về ngôn ngữ trọng tài, khoản 7 Điều 49 Pháp lệnh cần được sửa đổi theo nội dung sau đây:

1. Các bên có quyền thoả thuận về ngôn ngữ hoặc các ngôn ngữ sử dụng trong tố tụng trọng tài. Nếu các bên không có thoả thuận thì ngôn ngữ hoặc các ngôn ngữ sử dụng trong tố tụng trọng tài do Hội đồng trọng tài quyết định. Thoả thuận này hoặc quyết định này, trừ khi có quy định khác trong đó, sẽ áp dụng với văn bản tường trình của các bên, trong phiên xét xử và trong quyết định hoặc các hình thức giao dịch của Hội đồng trọng tài.

2. Hội đồng trọng tài có thể yêu cầu chứng cứ bằng văn bản phải được gửi kèm theo bản dịch sang ngôn ngữ hoặc những ngôn ngữ mà các bên đã thoả thuận hoặc được Hội đồng trọng tài quyết định.

(Tiếp theo trang 29 – Một số bất cập ...)

quyết đơn yêu cầu hủy tại toà án phải qua 2 cấp sơ thẩm và phúc thẩm, thời gian giải quyết tại toà án cũng không xác định là bao lâu. Như vậy, nếu như các bên mong muốn được giải quyết tranh chấp bằng trọng tài do trọng tài có ưu điểm nhanh chóng, đơn giản, thuận tiện thì với quy định tại Điều 50 PLTTTM 2003 về quyền yêu cầu hủy quyết định trọng tài, ưu thế của phương thức trọng tài đã bị vô hiệu hoá. Do vậy, bất cập này cần sớm được khắc phục để tránh sự lạm dụng một cách có chủ ý của các bên, nhất là bên thua kiện tại trọng tài. Nếu không sớm giải quyết, các quyết định trọng tài sẽ có nguy cơ “trở thành” một thứ giống các bản án sơ thẩm của toà án.

Pháp luật trọng tài các nước cũng như

quy tắc tố tụng trọng tài của nhiều thiết chế trọng tài quốc tế quy định rất linh hoạt trong việc lựa chọn địa điểm ký quyết định trọng tài hay cơ sở để ra quyết định trọng tài hoặc quy định về chữ ký của trọng tài viên; đặc biệt rất linh hoạt trong việc công nhận và thi hành quyết định trọng tài. So sánh với những quy định đó của các nước trên thế giới, có thể nhìn nhận rõ Pháp lệnh Trọng tài thương mại năm 2003 của Việt Nam đã thể hiện những bất cập cần được điều chỉnh trong những nội dung đã đề cập ở bài viết này. Đây là những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu, trao đổi để có những giải pháp toàn diện và hiệu quả. Thiết nghĩ, pháp luật trọng tài của Việt Nam cũng nên có cách quy định từ góc độ tiếp cận, học hỏi kinh nghiệm quốc tế trong xây dựng Luật Trọng tài sắp tới.